

Tổng hợp 17 Điều do Liên minh LISO¹ tư vấn góp ý kiến đã được chấp nhận trong Luật Lâm Nghiệp số 16/2017/QH14

I. Luật Lâm nghiệp đã công nhận 6 khái niệm sau đây:

1. Không gian sinh tồn
2. Rừng tín ngưỡng của cộng đồng dân cư
3. Hương ước của cộng đồng và thực hành văn hóa, tín ngưỡng gắn với rừng
4. Rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư
5. Tập đoàn cây bản địa
6. Rừng biên giới

Chi tiết nội dung các ý kiến đóng góp trong 17 Điều của Luật Lâm Nghiệp số 16/2017/QH14 (Chữ đỏ nghiêng & gạch chân)

1. Điều 2. Giải thích từ ngữ

8. Rừng tín ngưỡng là rừng gắn với niềm tin, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư sống dựa vào rừng.

9. Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, nhận thừa kế rừng từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

24. Cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, điểm dân cư tương tự và có cùng phong tục, tập quán.

2. Điều 3. Nguyên tắc hoạt động lâm nghiệp

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, sự tham gia của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư liên quan trong hoạt động lâm nghiệp.

3. Điều 4. Chính sách của Nhà nước về lâm nghiệp

6. Nhà nước bảo đảm cho đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư

¹ Liên minh chủ quyền sinh kế (LISO) gồm các tổ chức khoa học công nghệ TEW-CHESH-CIRD-SPERI-CODE-CENDI-CIRUM đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc với các cộng đồng dân tộc thiểu số, góp phần giữ gìn và duy trì trì thức bản địa nhằm làm giàu hóa đa dạng sinh học và đảm bảo chủ quyền sinh kế sinh thái văn hóa dựa trên kinh tế cộng đồng.

sinh sống phụ thuộc vào rừng được giao rừng gắn với giao đất để sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; được hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng với chủ rừng và được chia sẻ lợi ích từ rừng; được thực hành văn hoá, tín ngưỡng gắn với rừng theo quy định của Chính phủ.

4. Điều 5. Phân loại rừng

2. Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; cung ứng dịch vụ môi trường rừng, bao gồm:

d) Khu bảo vệ cảnh quan gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; rừng tín ngưỡng; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao;

3. Rừng phòng hộ được phân theo mức độ xung yếu, sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, cung ứng dịch vụ môi trường rừng, bao gồm:

a) Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; rừng phòng hộ biên giới;

5. Điều 8. Chủ rừng

6. Cộng đồng dân cư.

6. Điều 10. Nguyên tắc, căn cứ lập quy hoạch lâm nghiệp

1. Việc lập quy hoạch lâm nghiệp phải tuân thủ nguyên tắc của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc:

d) Bảo đảm sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân; bảo đảm công khai, minh bạch và bình đẳng giới;

7. Điều 12. Lập, lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia

2. Lấy ý kiến về quy hoạch:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lấy ý kiến cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về quy hoạch lâm nghiệp;

b) Việc lấy ý kiến về quy hoạch lâm nghiệp được thực hiện thông qua hình thức công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng; gửi lấy ý kiến bằng văn bản; tổ chức hội nghị, hội thảo;

c) Thời gian lấy ý kiến là 60 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tổ chức lấy ý kiến.

8. Điều 14. Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng và thu hồi rừng

2. Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt.

7. Bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của người dân địa phương; không phân biệt đối xử về tôn giáo, tín ngưỡng và giới trong giao rừng, cho thuê rừng.

8. Tôn trọng không gian sinh tồn, phong tục tập quán của cộng đồng dân cư; ưu tiên giao rừng cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có phong tục, tập quán, văn hóa tín ngưỡng, truyền thống gắn bó với rừng, có hương ước, quy ước phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Điều 16. Giao rừng

1. Nhà nước giao rừng đặc dụng không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng:

d) Cộng đồng dân cư đối với khu rừng tín ngưỡng mà họ đang quản lý và sử dụng theo truyền thống;

2. Nhà nước giao rừng phòng hộ không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng:

d) Cộng đồng dân cư đối với rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư đó.

3. Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng:

a) Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có diện tích rừng; đơn vị vũ trang;

10. Điều 53. Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập; du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt trong rừng đặc dụng

4. Chủ rừng tự tổ chức, hợp tác, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng bảo đảm không làm ảnh hưởng đến bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường và các chức năng khác của khu rừng.

11. Điều 56. Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ

4. Chủ rừng tự tổ chức, hợp tác, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng bảo đảm không làm ảnh hưởng đến bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường và các chức năng khác của khu rừng.

12. Điều 60. Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập; kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng sản xuất

4. Được tự tổ chức, hợp tác, liên doanh, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê rừng, thuê môi trường rừng phù hợp với quyền của chủ rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

13. Điều 81. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng phòng hộ

1. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng phòng hộ có quyền:

b) Được Nhà nước bảo đảm kinh phí bảo vệ và phát triển rừng;

14. Điều 83. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất

1. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất có quyền:

b) Được chia sẻ lợi ích từ rừng theo hợp đồng thuê rừng; được sở hữu cây trồng, vật nuôi, tài sản khác gắn liền với rừng trồng do chủ rừng tự đầu tư;

15. Điều 86. Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư được giao rừng tín ngưỡng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất

1. Cộng đồng dân cư được giao rừng tín ngưỡng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất có quyền:

b) Được Nhà nước bảo đảm kinh phí bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ giao cho cộng đồng dân cư;

c) Được hướng dẫn sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp, canh tác dưới tán rừng, chặn thả gia súc theo Quy chế quản lý rừng; được hỗ trợ phát triển kinh tế rừng, hỗ trợ phục hồi rừng bằng cây lâm nghiệp bản địa;

d) Được khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng là rừng tín ngưỡng theo quy định tại Điều 52, rừng phòng hộ tại Điều 55, rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại Điều 58 và rừng sản xuất là rừng trồng tại Điều 59 của Luật này và được chia sẻ lợi ích từ rừng theo chính sách của Nhà nước; được sở hữu cây trồng, vật nuôi, tài sản khác trên đất trồng rừng do chủ rừng tự đầu tư.

2. Cộng đồng dân cư được giao rừng tín ngưỡng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất có nghĩa vụ:

b) Hoàn thiện và thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan;

c) Bảo đảm duy trì diện tích rừng được giao;

d) Không được phân chia rừng cho các thành viên trong cộng đồng dân cư;

đ) Không được chuyển nhượng, cho thuê, tặng cho quyền sử dụng rừng; thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng.

16. Điều 102. Trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp của Ủy ban nhân dân các cấp

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm về cháy rừng, phá rừng hoặc mất rừng do các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng gây ra thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình quản lý.

17. Điều 108. Quy định chuyển tiếp

4. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát diện tích rừng tự nhiên có để đưa vào quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.